

Mời các em học sinh và quý thầy cô tham khảo hướng dẫn giải bài tập Toán lớp 2: Em ôn lại những gì đã học trang 52, 53 - Cánh Diều được đội ngũ chuyên gia biên soạn đầy đủ và ngắn gọn dưới đây.

Giải bài tập Toán 2 bài: Em ôn lại những gì đã học - Cánh diều.

Bài 1

Tính nhẩm:

$9 + 4$	$8 + 6$	$7 + 9$
$4 + 9$	$6 + 8$	$9 + 7$
$13 - 9$	$14 - 8$	$16 - 7$
$13 - 4$	$14 - 6$	$16 - 9$

Phương pháp giải:

Tính nhẩm kết quả các phép cộng theo các cách đã học hoặc dựa vào bảng cộng, sau đó tính nhẩm kết quả các phép trừ dựa vào kết quả các phép cộng vừa tìm được.

Lời giải chi tiết:

$$9 + 4 = 13$$

$$4 + 9 = 13$$

$$13 - 9 = 4$$

$$13 - 4 = 9$$

$$8 + 6 = 14$$

$$6 + 8 = 14$$

$$14 - 8 = 6$$

$$14 - 6 = 8$$

$$7 + 9 = 16$$

$$9 + 7 = 16$$

$$16 - 9 = 7$$

$$16 - 7 = 9$$

Bài 2

Chọn kết quả đúng với mỗi phép tính:



Phương pháp giải:

Thực hiện tính nhẩm kết quả các phép cộng, phép trừ theo các cách đã học hoặc dựa vào bảng cộng, bảng trừ, sau đó nối phép tính với kết quả tương ứng.

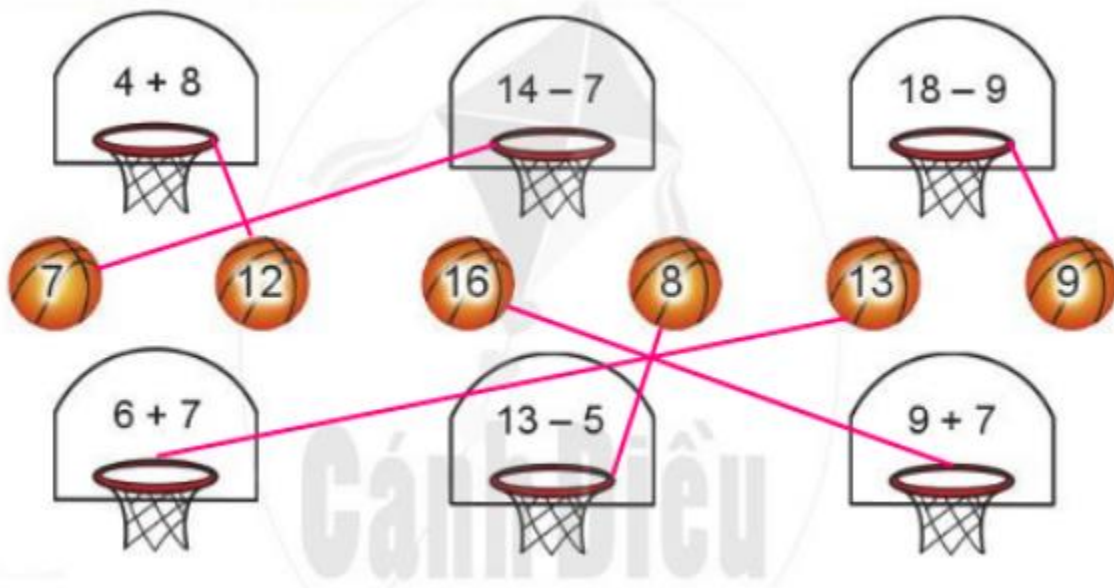
Lời giải chi tiết:

Ta có:

$4 + 8 = 12 \quad 14 - 7 = 7 \quad 18 - 9 = 9$

$6 + 7 = 13 \quad 13 - 5 = 8 \quad 9 + 7 = 16$

Vậy ta nối phép tính với kết quả tương ứng như sau:



Bài 3

Tìm số thích hợp thay cho dấu ? trong ô trống.

a)

Số hạng	44	53	3	6
Số hạng	25	5	8	9
Tổng	?	?	?	?

b)

Số bị trừ	68	77	15	12
Số trừ	52	6	7	8
Hiệu	?	?	?	?

Phương pháp giải:

Áp dụng các công thức:

Số hạng + Số hạng = Tổng ;

Số bị trừ – Số trừ = Hiệu

Lời giải chi tiết:

a)

Số hạng	44	53	3	6
Số hạng	25	5	8	9
Tổng	69	58	11	15

b)

Số bị trừ	68	77	15	12
Số trừ	52	6	7	8
Hiệu	16	71	8	4

Bài 4

Tính:

$$9 - 3 + 6$$

$$35 + 10 - 30$$

$$8 + 6 - 7$$

$$87 - 7 + 14$$

Phương pháp giải:

Thực hiện các phép tính lần lượt từ trái sang phải.

Lời giải chi tiết:

$$9 - 3 + 6 = 6 + 6 = 12$$

$$35 + 10 - 30 = 45 - 30 = 15$$

$$8 + 6 - 7 = 14 - 7 = 7$$

$$87 - 7 + 14 = 80 + 14 = 94$$

Bài 5

Có 98 bao xi măng cần được chở đến công trường, xe tải đã chở được 34 bao. Hỏi còn bao nhiêu bao xi măng chưa được chở?



Phương pháp giải:

- Đọc kĩ đề bài để xác định đề bài cho biết gì (số bao xi măng cần được chở tới công trường, số bao xi măng đã chở tới công trường) và hỏi gì (số bao xi măng chưa được chở), từ đó hoàn thành tóm tắt bài toán.
- Để tìm số bao xi măng chưa được chở ta lấy số bao xi măng cần được chở tới công trường trừ đi số bao xi măng đã chở tới công trường.

Lời giải chi tiết:

Tóm tắt

Cần chở: 98 bao xi măng

Đã chở: 34 bao xi măng

Chưa được chở:  bao xi măng

Bài giải

Còn lại số bao xi măng chưa được chở là:

$$98 - 34 = 64 \text{ (bao)}$$

Đáp số: 64 bao xi măng.

Bài 6

a) Năm nay bà 67 tuổi, mẹ ít hơn bà 30 tuổi. Hỏi năm nay mẹ bao nhiêu tuổi?



b) Năm nay anh Hải 10 tuổi, bố nhiều hơn anh Hải 32 tuổi. Hỏi năm nay bố bao nhiêu tuổi?

Phương pháp giải:

a) - Đọc kĩ đề bài để xác định đề bài cho biết gì (số tuổi của bà, số tuổi mẹ ít hơn tuổi bà) và hỏi gì (số tuổi của mẹ), từ đó hoàn thành tóm tắt bài toán.

- Để tìm số tuổi của mẹ ta lấy số tuổi của bà trừ đi số tuổi mẹ ít hơn tuổi bà.

b) - Đọc kĩ đề bài để xác định đề bài cho biết gì (số tuổi của anh Hải, số tuổi bố nhiều hơn anh Hải) và hỏi gì (số tuổi của bố), từ đó hoàn thành tóm tắt bài toán.

- Để tìm số tuổi của bố ta lấy số tuổi của anh Hải cộng với số tuổi bố nhiều hơn anh Hải.

Lời giải chi tiết:

a) *Tóm tắt*

Bà: 67 tuổi

Mẹ ít hơn bà: 30 tuổi

Mẹ: tuổi

Bài giải

Số tuổi của mẹ năm nay là:

$$67 - 30 = 37 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: 37 tuổi

b) Tóm tắt

Anh Hải: 10 tuổi

Bố nhiều hơn anh Hải: 32 tuổi

Bố: tuổi

Bài giải

Số tuổi của bố năm nay là:

$$10 + 32 = 42 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: 42 tuổi.